

Mẫu CBTT - 03

(Ban hành kèm theo thông tư số 38/2007/TT-BTC ngày 18/4/2007 của Bộ trưởng
Bộ Tài chính hướng dẫn về việc Công bố thông tin trên thị trường Chứng khoán)

CÔNG TY CỔ PHẦN HAPACO YÊN SƠN**YEN SON CO**

S ố:...../BC-YS

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TÓM TẮT**QUÍ II NĂM 2009****I.A. BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

STT	NỘI DUNG	SỐ DƯ ĐẦU KỲ	SỐ DƯ CUỐI KỲ
I	Tài sản ngắn hạn	19.167.219.760	16.041.870.670
1	Tiền và các khoản tương đương tiền	7.331.512.418	2.153.487.274
2	Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	226.138.002	2.885.490.642
3	Các khoản phải thu ngắn hạn	7.363.795.418	6.482.553.531
4	Hàng tồn kho	2.968.022.232	3.148.457.756
5	Tài sản ngắn hạn khác	1.277.751.690	1.371.881.467
II	Tài sản dài hạn	9.840.464.498	10.364.984.231
1	Các khoản phải thu dài hạn	0	0
2	Tài sản cố định	8.983.694.423	9.857.691.655
	- Tài sản cố định hữu hình	8.845.337.741	9.719.334.973
	- Tài sản cố định vô hình	0	0
	- Tài sản cố định thuê tài chính	0	0
	- Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	138.356.682	138.356.682
3	Bất động sản đầu tư	0	0
4	Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	750.000.000	350.000.000
5	Tài sản dài hạn khác	106.770.075	157.292.576
III	TỔNG CỘNG TÀI SẢN	29.007.684.258	26.406.854.901
IV	Nợ phải trả	10.001.543.046	7.211.423.807
1	Nợ ngắn hạn	9.707.520.509	5.932.923.402
2	Nợ dài hạn	294.022.537	1.278.500.405
V	Vốn chủ sở hữu	19.006.141.212	19.195.431.094
1	Vốn chủ sở hữu	18.644.032.828	18.640.291.903
	- Vốn đầu tư của chủ sở hữu	11.000.000.000	11.000.000.000
	- Thặng dư vốn cổ phần	0	0
	- Vốn khác của chủ sở hữu	0	0
	- Cổ phiếu quỹ	-106.340.000	-106.340.000
	- Chênh lệch đánh giá lại tài sản		
	- Chênh lệch tỷ giá hối đoái		
	- Các quỹ	4.520.769.804	6.408.062.610
	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	3.229.603.024	1.338.569.293
	- Nguồn vốn đầu tư XDCB	0	0
2	Nguồn kinh phí và quỹ khác	362.108.384	555.139.191
	- Quỹ khen thưởng phúc lợi	362.108.384	555.139.191
	- Nguồn kinh phí	0	0
	- Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	0	0
VI	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	29.007.684.258	26.406.854.901

II- A. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH

STT	CHỈ TIÊU	KỶ BÁO CÁO	LUYỆN KẾ
1	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	8.257.272.295	23.274.868.448
2	Các khoản giảm trừ doanh thu	0	0
3	Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	8.257.272.295	23.274.868.448
4	Giá vốn hàng bán	6.757.719.213	20.296.716.582
5	Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	1.499.553.082	2.978.151.866
6	Doanh thu hoạt động tài chính	37.199.730	44.509.701
7	Chi phí tài chính	-5.852.394	39.598.118
8	Chi phí bán hàng	308.450.559	598.752.184
9	Chi phí quản lý doanh nghiệp	861.896.989	1.678.726.672
10	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	372.257.658	705.584.593
11	Thu nhập khác	71.555.534	150.046.068
12	Chi phí khác	0	0
13	Lợi nhuận khác	71.555.534	150.046.068
14	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	443.813.192	855.630.661
15	Thuế thu nhập doanh nghiệp (17,5%)	77.667.309	149.735.366
16	Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	366.145.883	705.895.295
17	Lãi cơ bản trên cổ phiếu	336	648
18	Cổ tức trên mỗi cổ phiếu	300	600

NGƯỜI LẬP BIỂU

Yên Bái, ngày 15 tháng 7 năm 2009
CÔNG TY CỔ PHẦN HAPACO YÊN SƠN